

Học kỳ	Mã tham chiếu	Thứ tự tuần học	Thứ tự tiết học	Mã tiết dạy	Tên bài dạy / Nội dung chủ đề hoạt động / Ghi chú khác (nếu có)	Bộ môn
HK1: từ tuần 01 đến hết 20 ; HK2: từ tuần 21 đến kết thúc năm học.	<Thứ tự tiết><mã tiết dạy>; (không khoảng trắng)	Nhập dạng ký tự số: 1, 2, 3, ...; Lưu ý: Đánh thứ tự từ 1 liên tục theo biên chế năm học.	Nhập dạng ký tự số: 1, 2, 3, ...; Lưu ý: Đánh thứ tự từ 1 tương ứng với mỗi mã tiết dạy theo PPCT của môn học;	CK: chính khóa; BT/TH: bài tập / thực hành; TC: tự chọn; B2: buổi hai; OT: ôn tập; KT: Kiểm tra; CN: sinh hoạt C/nhiệm; TG: thao giảng; DG: dự giờ; NK: ngoại khóa; DB: dạy bù;	KHUNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH GIẢNG DẠY KHỐI LỚP 10 (CƠ BẢN)	HÓA HỌC
(theo ký hiệu q/ước)						
	KT			KT	Kiểm tra định kỳ.	
	TG			TG	Thao giảng.	
	DG			DG	Dự giờ đồng nghiệp.	
	NK			NK	Tổ chức dạy học ngoại khóa.	
	CN			CN	Sinh hoạt chủ nhiệm đầu tuần.	
	DB.CK			DB.CK	Dạy bù chính khóa.	
	DB.B2			DB.B2	Dạy bù buổi hai.	
HK1	1CK	1	1	CK	Ôn tập đầu năm	
HK1	2CK	1	2	CK	Ôn tập đầu năm	
HK1	3CK	2	3	CK	Thành phần nguyên tử	
HK1	4CK	2	4	CK	Hạt nhân nguyên tử – Nguyên tố hóa học – Đồng vị	
HK1	1B2	3	1	B2	Bài tập xác định thành phần nguyên tử	
HK1	2B2	3	2	B2	Bài tập xác định thành phần nguyên tử	
HK1	5CK	3	5	CK	Hạt nhân nguyên tử – Nguyên tố hóa học – Đồng vị	

Học kỳ	Mã tham chiếu	Thứ tự tuần học	Thứ tự tiết học	Mã tiết dạy	Tên bài dạy / Nội dung chủ đề hoạt động / Ghi chú khác (nếu có)	Bộ môn
HK1: từ tuần 01 đến hết 20 ; HK2: từ tuần 21 đến kết thúc năm học.	<Thứ tự tiết><mã tiết dạy>; (không khoảng trắng)	Nhập dạng ký tự số: 1, 2, 3, ...; Lưu ý: Đánh thứ tự từ 1 liên tục theo biên chế năm học.	Nhập dạng ký tự số: 1, 2, 3, ...; Lưu ý: Đánh thứ tự từ 1 tương ứng với mỗi mã tiết dạy theo PPCT của môn học;	CK: chính khóa; BT/TH: bài tập / thực hành; TC: tự chọn; B2: buổi hai; OT: ôn tập; KT: Kiểm tra; CN: sinh hoạt C/nhiệm; TG: thao giảng; DG: dự giờ; NK: ngoại khóa; DB: dạy bù;	KHUNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH GIẢNG DẠY KHỐI LỚP 10 (CƠ BẢN)	HÓA HỌC
HK1	6CK	3	6	CK	Luyện tập: Thành phần nguyên tử	
HK1	3B2	4	3	B2	Kí hiệu nguyên tử. Thành phần nguyên tử	
HK1	4B2	4	4	B2	Kí hiệu nguyên tử. Thành phần nguyên tử	
HK1	7CK	4	7	CK	Cấu tạo vỏ nguyên tử	
HK1	8CK	4	8	CK	Cấu tạo vỏ nguyên tử	
HK1	5B2	5	5	B2	Xác định số khối, nguyên tử khối trung bình, đồng vị	
HK1	6B2	5	6	B2	Xác định số khối, nguyên tử khối trung bình, đồng vị	
HK1	9CK	5	9	CK	Cấu hình electron nguyên tử	
HK1	10CK	5	10	CK	Cấu hình electron nguyên tử	
HK1	7B2	6	7	B2	Luyện tập chương I	
HK1	8B2	6	8	B2	Cấu hình electron nguyên tử	
HK1	11CK	6	11	CK	Luyện tập: Cấu tạo vỏ nguyên tử	
HK1	12CK	6	12	CK	Bảng tuần hoàn các nguyên tố hóa học	
HK1	9B2	7	9	B2	So sánh tính chất các nguyên tố trong BTH	
HK1	10B2	7	10	B2	So sánh tính chất các nguyên tố trong BTH	

Học kỳ	Mã tham chiếu	Thứ tự tuần học	Thứ tự tiết học	Mã tiết dạy	Tên bài dạy / Nội dung chủ đề hoạt động / Ghi chú khác (nếu có)	Bộ môn
HK1: từ tuần 01 đến hết 20 ; HK2: từ tuần 21 đến kết thúc năm học.	<Thứ tự tiết><mã tiết dạy>; (không khoảng trắng)	Nhập dạng ký tự số: 1, 2, 3, ...; Lưu ý : Đánh thứ tự từ 1 liên tục theo biên chế năm học.	Nhập dạng ký tự số: 1, 2, 3, ...; Lưu ý : Đánh thứ tự từ 1 tương ứng với mỗi mã tiết dạy theo PPCT của môn học;	CK: chính khóa; BT/TH: bài tập / thực hành; TC: tự chọn; B2: buổi hai; OT: ôn tập; KT: Kiểm tra; CN: sinh hoạt C/nhiệm; TG: thao giảng; DG: dự giờ; NK: ngoại khóa; DB: dạy bù;	KHUNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH GIẢNG DẠY KHỐI LỚP 10 (CƠ BẢN)	HÓA HỌC
HK1	13CK	7	13	CK	BẢNG TUẦN HOÀN CÁC NGUYÊN TỐ HÓA HỌC	
HK1	14CK	7	14	CK	SỰ BIẾN ĐỔI TUẦN HOÀN CẤU HÌNH ELECTRON NGUYÊN TỬ CỦA CÁC NGUYÊN TỐ HÓA HỌC	
HK1	11B2	8	11	B2	MỐI LIÊN HỆ GIỮA VỊ TRÍ VÀ TÍNH CHẤT CÁC NGUYÊN TỐ	
HK1	12B2	8	12	B2	BÀI TẬP XÁC ĐỊNH NGUYÊN TỐ	
HK1	15CK	8	15	CK	SỰ BIẾN ĐỔI TUẦN HOÀN TÍNH CHẤT CỦA CÁC NGUYÊN TỐ HÓA HỌC. ĐỊNH LUẬT TUẦN HOÀN	
HK1	16CK	8	16	CK	SỰ BIẾN ĐỔI TUẦN HOÀN TÍNH CHẤT CỦA CÁC NGUYÊN TỐ HÓA HỌC. ĐỊNH LUẬT TUẦN HOÀN	
HK1	17CK	9	17	CK	Ý NGHĨA CỦA BẢNG TUẦN HOÀN CÁC NGUYÊN TỐ HÓA HỌC	
HK1	18CK	9	18	CK	KIỂM TRA 1 TIẾT	
HK1	13B2	10	13	B2	LUYỆN TẬP CHƯƠNG II	
HK1	14B2	10	14	B2	LUYỆN TẬP CHƯƠNG II	
HK1	19CK	10	19	CK	LUYỆN TẬP	
HK1	20CK	10	20	CK	LUYỆN TẬP	
HK1	15B2	11	15	B2	SƠ ĐỒ HÌNH THÀNH LIÊN KẾT ION, CTCT VÀ CT ELECTRON	
HK1	16B2	11	16	B2	SƠ ĐỒ HÌNH THÀNH LIÊN KẾT ION, CTCT VÀ CT ELECTRON	
HK1	21CK	11	21	CK	LIÊN KẾT ION	
Học kỳ	Mã tham chiếu	Thứ tự tuần học	Thứ tự tiết học	Mã tiết dạy	Tên bài dạy / Nội dung chủ đề hoạt động / Ghi chú khác (nếu có)	Bộ môn
HK1: từ tuần 01 đến hết 20 ; HK2: từ tuần 21 đến kết thúc năm học.	<Thứ tự tiết><mã tiết dạy>; (không khoảng trắng)	Nhập dạng ký tự số: 1, 2, 3, ...; Lưu ý : Đánh thứ tự từ 1 liên tục theo biên chế năm học.	Nhập dạng ký tự số: 1, 2, 3, ...; Lưu ý : Đánh thứ tự từ 1 tương ứng với mỗi mã tiết dạy theo PPCT của môn học;	CK: chính khóa; BT/TH: bài tập / thực hành; TC: tự chọn; B2: buổi hai; OT: ôn tập; KT: Kiểm tra; CN: sinh hoạt C/nhiệm; TG: thao giảng; DG: dự giờ; NK: ngoại khóa; DB: dạy bù;	KHUNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH GIẢNG DẠY KHỐI LỚP 10 (CƠ BẢN)	HÓA HỌC
HK1	22CK	11	22	CK	LIÊN KẾT CỘNG HÓA TRỊ	
HK1	17B2	12	17	B2	LUYỆN TẬP CHƯƠNG III	
HK1	18B2	12	18	B2	BÀI TẬP XÁC ĐỊNH NGUYÊN TỐ	
HK1	23CK	12	23	CK	LIÊN KẾT CỘNG HÓA TRỊ	
HK1	24CK	12	24	CK	HÓA TRỊ VÀ SỐ OXI HÓA	
HK1	19B2	13	19	B2	BÀI TẬP XÁC ĐỊNH 2 NGUYÊN TỐ LIÊN TIẾP	
HK1	20B2	13	20	B2	BÀI TẬP XÁC ĐỊNH 2 NGUYÊN TỐ LIÊN TIẾP	
HK1	25CK	13	25	CK	LUYỆN TẬP: LIÊN KẾT HÓA HỌC	
HK1	26CK	13	26	CK	KIỂM TRA 1 TIẾT	
HK1	21B2	14	21	B2	CÂN BẰNG PHẢN ỨNG OXI HÓA KHỬ	
HK1	22B2	14	22	B2	CÂN BẰNG PHẢN ỨNG OXI HÓA KHỬ	
HK1	27CK	14	27	CK	CHUYÊN ĐỀ PHẢN ỨNG OXI HÓA KHỬ	
HK1	28CK	14	28	CK	CHUYÊN ĐỀ PHẢN ỨNG OXI HÓA KHỬ	
HK1	23B2	15	23	B2	CÂN BẰNG PHẢN ỨNG OXI HÓA KHỬ	
HK1	24B2	15	24	B2	CÂN BẰNG PHẢN ỨNG OXI HÓA KHỬ	

Học kỳ	Mã tham chiếu	Thứ tự tuần học	Thứ tự tiết học	Mã tiết dạy	Tên bài dạy / Nội dung chủ đề hoạt động / Ghi chú khác (nếu có)	Bộ môn
HK1: từ tuần 01 đến hết 20 ; HK2: từ tuần 21 đến kết thúc năm học.	<Thứ tự tiết><mã tiết dạy>; (không khoảng trắng)	Nhập dạng ký tự số: 1, 2, 3, ...; Lưu ý: Đánh thứ tự từ 1 liên tục theo biên chế năm học.	Nhập dạng ký tự số: 1, 2, 3, ...; Lưu ý: Đánh thứ tự từ 1 tương ứng với mỗi mã tiết dạy theo PPCT của môn học;	CK: chính khóa; BT/TH: bài tập / thực hành; TC: tự chọn; B2: buổi hai; OT: ôn tập; KT: Kiểm tra; CN: sinh hoạt c/nhiệm; TG: thao giảng; DG: dự giờ; NK: ngoại khóa; DB: dạy bù;	KHUNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH GIẢNG DẠY KHỐI LỚP 10 (CƠ BẢN)	HÓA HỌC
HK1	29CK	15	29	CK	CHUYÊN ĐỀ PHẢN ỨNG OXI HÓA KHỬ	
HK1	30CK	15	30	CK	CHUYÊN ĐỀ PHẢN ỨNG OXI HÓA KHỬ	
HK1	25B2	16	25	B2	BÀI TẬP BẢO TOÀN ELECTRON	
HK1	26B2	16	26	B2	BÀI TẬP BẢO TOÀN ELECTRON	
HK1	31CK	16	31	CK	CHUYÊN ĐỀ PHẢN ỨNG OXI HÓA KHỬ	
HK1	32CK	16	32	CK	BTH 1: PHẢN ỨNG OXI HÓA KHỬ	
HK1	27B2	17	27	B2	ÔN TẬP HỌC Kì I	
HK1	28B2	17	28	B2	ÔN TẬP HỌC Kì I	
HK1	33CK	17	33	CK	ÔN TẬP HỌC Kì I	
HK1	34CK	17	34	CK	ÔN TẬP HỌC Kì I	
HK1		18			KIỂM TRA HỌC Kì I	
HK1	29B2	19	29	B2	LUYỆN TẬP TỔNG HỢP	
HK1	30B2	19	30	B2	LUYỆN TẬP TỔNG HỢP	
HK1	37CK	19	37	CK	LUYỆN TẬP	
HK1	38CK	19	38	CK	LUYỆN TẬP	
Học kỳ	Mã tham chiếu	Thứ tự tuần học	Thứ tự tiết học	Mã tiết dạy	Tên bài dạy / Nội dung chủ đề hoạt động / Ghi chú khác (nếu có)	Bộ môn
HK1: từ tuần 01 đến hết 20 ; HK2: từ tuần 21 đến kết thúc năm học.	<Thứ tự tiết><mã tiết dạy>; (không khoảng trắng)	Nhập dạng ký tự số: 1, 2, 3, ...; Lưu ý: Đánh thứ tự từ 1 liên tục theo biên chế năm học.	Nhập dạng ký tự số: 1, 2, 3, ...; Lưu ý: Đánh thứ tự từ 1 tương ứng với mỗi mã tiết dạy theo PPCT của môn học;	CK: chính khóa; BT/TH: bài tập / thực hành; TC: tự chọn; B2: buổi hai; OT: ôn tập; KT: Kiểm tra; CN: sinh hoạt c/nhiệm; TG: thao giảng; DG: dự giờ; NK: ngoại khóa; DB: dạy bù;	KHUNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH GIẢNG DẠY KHỐI LỚP 10 (CƠ BẢN)	HÓA HỌC
HK1	31B2	20	31	B2	HÓA TRỊ NGUYÊN TỐ. BÀI TẬP HÓA HỌC CƠ BẢN	
HK1	32B2	20	32	B2	HÓA TRỊ NGUYÊN TỐ. BÀI TẬP HÓA HỌC CƠ BẢN	
HK1	39CK	20	39	CK	ÔN TẬP TỔNG HỢP	
HK1	40CK	20	40	CK	ÔN TẬP TỔNG HỢP	
HK2	1TC	21	1	TC	TÍNH CHẤT CỦA CLO	
HK2	33B2	21	33	B2	TÍNH CHẤT CỦA CLO	
HK2	41CK	21	41	CK	KHÁI NIỆM VỀ NHÓM HALOGEN	
HK2	42CK	21	42	CK	CLO	
HK2	2TC	22	2	TC	TÍNH CHẤT VÀ BÀI TẬP HCL	
HK2	34B2	22	34	B2	CHUỖI PHẢN ỨNG CL ₂ , HCL BÀI TẬP KIM LOẠI TÁC DỤNG DUNG DỊCH HCL	
HK2	43CK	22	43	CK	HIDRO CLORUA, AXIT CLOHIDRIC VÀ MUỐI CLORUA	
HK2	44CK	22	44	CK	HIDRO CLORUA, AXIT CLOHIDRIC VÀ MUỐI CLORUA	
HK2		23			NGHỈ TẾT NGUYỄN ĐÁN	
HK2		24			NGHỈ TẾT NGUYỄN ĐÁN	
HK2	3TC	25	3	TC	TÍNH CHẤT HỢP CHẤT CỎ OXI CỦA CLO	

Học kỳ	Mã tham chiếu	Thứ tự tuần học	Thứ tự tiết học	Mã tiết dạy	Tên bài dạy / Nội dung chủ đề hoạt động / Ghi chú khác (nếu có)	Bộ môn
HK1: từ tuần 01 đến hết 20 ; HK2: từ tuần 21 đến kết thúc năm học.	<Thứ tự tiết><mã tiết dạy>; (không khoảng trắng)	Nhập dạng ký tự số: 1, 2, 3, ...; Lưu ý: Đánh thứ tự từ 1 liên tục theo biên chế năm học.	Nhập dạng ký tự số: 1, 2, 3, ...; Lưu ý: Đánh thứ tự từ 1 tương ứng với mỗi mã tiết dạy theo PPCT của môn học;	CK: chính khóa; BT/TH: bài tập / thực hành; TC: tự chọn; B2: buổi hai; OT: ôn tập; KT: Kiểm tra; CN: sinh hoạt c/nhiệm; TG: thao giảng; DG: dự giờ; NK: ngoại khóa; DB: dạy bù;	KHUNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH GIẢNG DẠY KHỐI LỚP 10 (CƠ BẢN)	HÓA HỌC
HK2	35B2	25	35	B2	BÀI TẬP XÁC ĐỊNH KIM LOẠI – HỖN HỢP CHẤT TÁC DỤNG VỚI HCL	
HK2	45CK	25	45	CK	BTH 2: TÍNH CHẤT HÓA HỌC CỦA KHÍ CLO VÀ HỢP CHẤT CỦA CLO	
HK2	46CK	25	46	CK	SƠ LƯỢC VỀ HỢP CHẤT CÓ OXI CỦA CLO	
HK2	4TC	26	4	TC	TÍNH CHẤT NHÓM HALOGEN	
HK2	36B2	26	36	B2	TÍNH CHẤT CỦA BROM, IOT – NHẬN BIẾT DUNG DỊCH	
HK2	47CK	26	47	CK	FLO, BROM, IOT	
HK2	48CK	26	48	CK	FLO, BROM, IOT	
HK2	5TC	27	5	TC	LUYỆN TẬP NHÓM HALOGEN	
HK2	37B2	27	37	B2	LUYỆN TẬP NHÓM HALOGEN	
HK2	49CK	27	49	CK	LUYỆN TẬP: NHÓM HALOGEN	
HK2	50CK	27	50	CK	LUYỆN TẬP: NHÓM HALOGEN	
HK2	6TC	28	6	TC	TÍNH CHẤT OXI	
HK2	38B2	28	38	B2	LUYỆN TẬP NHÓM HALOGEN	
HK2	51CK	28	51	CK	BTH 3: TÍNH CHẤT HÓA HỌC CỦA BROM VÀ IOT	
HK2	52CK	28	52	CK	OXI – OZON	

Học kỳ	Mã tham chiếu	Thứ tự tuần học	Thứ tự tiết học	Mã tiết dạy	Tên bài dạy / Nội dung chủ đề hoạt động / Ghi chú khác (nếu có)	Bộ môn
HK1: từ tuần 01 đến hết 20 ; HK2: từ tuần 21 đến kết thúc năm học.	<Thứ tự tiết><mã tiết dạy>; (không khoảng trắng)	Nhập dạng ký tự số: 1, 2, 3, ...; Lưu ý: Đánh thứ tự từ 1 liên tục theo biên chế năm học.	Nhập dạng ký tự số: 1, 2, 3, ...; Lưu ý: Đánh thứ tự từ 1 tương ứng với mỗi mã tiết dạy theo PPCT của môn học;	CK: chính khóa; BT/TH: bài tập / thực hành; TC: tự chọn; B2: buổi hai; OT: ôn tập; KT: Kiểm tra; CN: sinh hoạt c/nhiệm; TG: thao giảng; DG: dự giờ; NK: ngoại khóa; DB: dạy bù;	KHUNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH GIẢNG DẠY KHỐI LỚP 10 (CƠ BẢN)	HÓA HỌC
HK2	7TC	29	7	TC	TÍNH CHẤT LƯU HUỖNH	
HK2	39B2	29	39	B2	TÍNH CHẤT CỦA OXI	
HK2	53CK	29	53	CK	OXI – OZON	
HK2	54CK	29	54	CK	KIỂM TRA 1 TIẾT	
HK2	8TC	30	8	TC	LUYỆN TẬP OXI - LƯU HUỖNH	
HK2	40B2	30	40	B2	TÍNH CHẤT CỦA LƯU HUỖNH	
HK2	55CK	30	55	CK	LƯU HUỖNH	
HK2	56CK	30	56	CK	BTH 4: TÍNH CHẤT CỦA OXI, LƯU HUỖNH	
HK2	9TC	31	9	TC	TÍNH CHẤT VÀ BÀI TẬP SO2	
HK2	41B2	31	41	B2	CHUỖI PHẢN ỨNG CỦA LƯU HUỖNH BÀI TẬP SO2, H2S TÁC DỤNG DUNG DỊCH KIỀM	
HK2	57CK	31	57	CK	HIDRO SUNFUA. LƯU HUỖNH ĐIOXIT. LƯU HUỖNH TRIOXIT	
HK2	58CK	31	58	CK	HIDRO SUNFUA. LƯU HUỖNH ĐIOXIT. LƯU HUỖNH TRIOXIT	
HK2	10TC	32	10	TC	TÍNH CHẤT VÀ BÀI TẬP H2SO4	
HK2	42B2	32	42	B2	TÍNH CHẤT CỦA H2SO4 LOÃNG, NHẬN BIẾT GỐC SUNFAT BÀI TẬP KIM LOẠI TÁC DỤNG DUNG DỊCH H2SO4 LOÃNG	
HK2	59CK	32	59	CK	AXIT SUNFURIC. MUỐI SUNFAT	

Học kỳ	Mã tham chiếu	Thứ tự tuần học	Thứ tự tiết học	Mã tiết dạy	Tên bài dạy / Nội dung chủ đề hoạt động / Ghi chú khác (nếu có)	Bộ môn
HK1: từ tuần 01 đến hết 20 ; HK2: từ tuần 21 đến kết thúc năm học.	<Thứ tự tiết><mã tiết dạy>; (không khoảng trắng)	Nhập dạng ký tự số: 1, 2, 3, ...; Lưu ý: Đánh thứ tự từ 1 liên tục theo biên chế năm học.	Nhập dạng ký tự số: 1, 2, 3, ...; Lưu ý: Đánh thứ tự từ 1 tương ứng với mỗi mã tiết dạy theo PPCT của môn học;	CK: chính khóa; BT/TH: bài tập / thực hành; TC: tự chọn; B2: buổi hai; OT: ôn tập; KT: Kiểm tra; CN: sinh hoạt C/nhiệm; TG: thao giảng; DG: dự giờ; NK: ngoại khóa; DB: dạy bù;	KHUNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH GIẢNG DẠY KHỐI LỚP 10 (CƠ BẢN)	HÓA HỌC
HK2	60CK	32	60	CK	AXIT SUNFURIC. MUỐI SUNFAT	
HK2	11TC	33	11	TC	LUYỆN TẬP CHƯƠNG VI	
HK2	43B2	33	43	B2	TÍNH CHẤT CỦA H2SO4 ĐẶC. BÀI TẬP KIM LOẠI TÁC DỤNG DUNG DỊCH H2SO4 ĐẶC	
HK2	61CK	33	61	CK	LUYỆN TẬP: OXI VÀ LƯU HUỖNH	
HK2	62CK	33	62	CK	LUYỆN TẬP: OXI VÀ LƯU HUỖNH	
HK2	12TC	34	12	TC	LUYỆN TẬP CHƯƠNG VI	
HK2	44B2	34	44	B2	LUYỆN TẬP OXI – LƯU HUỖNH	
HK2	63CK	34	63	CK	BTH 5: TÍNH CHẤT CÁC HỢP CHẤT CỦA LƯU HUỖNH	
HK2	64CK	34	64	CK	KIỂM TRA 1 TIẾT	
HK2	13TC	35	13	TC	CÂN BẰNG HÓA HỌC	
HK2	45B2	35	45	B2	LUYỆN TẬP AXIT SUNFURIC	
HK2	65CK	35	65	CK	CÂN BẰNG HÓA HỌC	
HK2	66CK	35	66	CK	CÂN BẰNG HÓA HỌC	
HK2	14TC	36	14	TC	LUYỆN TẬP CÂN BẰNG HÓA HỌC, TỐC ĐỘ PHẢN ỨNG	
HK2	46B2	36	46	B2	TỐC ĐỘ PHẢN ỨNG – CÂN BẰNG HÓA HỌC	
Học kỳ	Mã tham chiếu	Thứ tự tuần học	Thứ tự tiết học	Mã tiết dạy	Tên bài dạy / Nội dung chủ đề hoạt động / Ghi chú khác (nếu có)	Bộ môn
HK1: từ tuần 01 đến hết 20 ; HK2: từ tuần 21 đến kết thúc năm học.	<Thứ tự tiết><mã tiết dạy>; (không khoảng trắng)	Nhập dạng ký tự số: 1, 2, 3, ...; Lưu ý: Đánh thứ tự từ 1 liên tục theo biên chế năm học.	Nhập dạng ký tự số: 1, 2, 3, ...; Lưu ý: Đánh thứ tự từ 1 tương ứng với mỗi mã tiết dạy theo PPCT của môn học;	CK: chính khóa; BT/TH: bài tập / thực hành; TC: tự chọn; B2: buổi hai; OT: ôn tập; KT: Kiểm tra; CN: sinh hoạt C/nhiệm; TG: thao giảng; DG: dự giờ; NK: ngoại khóa; DB: dạy bù;	KHUNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH GIẢNG DẠY KHỐI LỚP 10 (CƠ BẢN)	HÓA HỌC
HK2	67CK	36	67	CK	TỐC ĐỘ PHẢN ỨNG HÓA HỌC	
HK2	68CK	36	68	CK	LUYỆN TẬP: TỐC ĐỘ PHẢN ỨNG VÀ CÂN BẰNG HÓA HỌC	
HK2	15TC	37	15	TC	ÔN TẬP HỌC KỲ II	
HK2	47B2	37	47	B2	ÔN TẬP HỌC KÌ II	
HK2	69CK	37	69	CK	ÔN TẬP HỌC KỲ II	
HK2	70CK	37	70	CK	ÔN TẬP HỌC KỲ II	
HK2		38			KIỂM TRA HỌC KÌ II	
HK2	16TC	39	16	TC	ÔN TẬP CUỐI NĂM	
HK2	48B2	39	48	B2	ÔN TẬP CUỐI NĂM	
HK2	73CK	39	73	CK	BTH 5: TỐC ĐỘ PHẢN ỨNG HÓA HỌC	
HK2	74CK	39	74	CK	ÔN TẬP CUỐI NĂM	

Học kỳ	Mã tham chiếu	Thứ tự tuần học	Thứ tự tiết học	Mã tiết dạy	Tên bài dạy / Nội dung chủ đề hoạt động / Ghi chú khác (nếu có)	Bộ môn
HK1: từ tuần 01 đến hết 20 ; HK2: từ tuần 21 đến kết thúc năm học.	<Thứ tự tiết><mã tiết dạy>; (không khoảng trắng)	Nhập dạng ký tự số: 1, 2, 3, ...; Lưu ý: Đánh thứ tự từ 1 liên tục theo biên chế năm học.	Nhập dạng ký tự số: 1, 2, 3, ...; Lưu ý: Đánh thứ tự từ 1 tương ứng với mỗi mã tiết dạy theo PPCT của môn học;	CK: chính khóa; BT/TH: bài tập / thực hành; TC: tự chọn; B2: buổi hai; OT: ôn tập; KT: Kiểm tra; CN: sinh hoạt C/nhiệm; TG: thao giảng; DG: dự giờ; NK: ngoại khóa; DB: dạy bù;	KHUNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH GIẢNG DẠY KHỐI LỚP 11 (CƠ BẢN)	HÓA HỌC
(theo ký hiệu q/ước) Ghi theo nội dung khung phân phối chương trình của Bộ GD&ĐT đã có sự cân đối, điều chỉnh thống nhất trong tổ/nhóm bộ môn						
	KT			KT	Kiểm tra định kỳ.	
	TG			TG	Thao giảng.	
	DG			DG	Dự giờ đồng nghiệp.	
	NK			NK	Tổ chức dạy học ngoại khóa.	
	CN			CN	Sinh hoạt chủ nhiệm đầu tuần.	
	DB.CK			DB.CK	Dạy bù chính khóa.	
	DB.B2			DB.B2	Dạy bù buổi hai.	
HK1	1CK	1	1	CK	Ôn tập lớp 10	
HK1	2CK	1	2	CK	Ôn tập lớp 10	
HK1	3CK	2	3	CK	Chuyên đề Dung dịch chất điện li	
HK1	4CK	2	4	CK	Chuyên đề Dung dịch chất điện li	
HK1	1B2	3	1	B2	Phương trình điện li. Bài tập tính nồng độ mol/l các ion	
HK1	2B2	3	2	B2	Phương trình điện li. Bài tập tính nồng độ mol/l các ion	
HK1	5CK	3	5	CK	Chuyên đề Dung dịch chất điện li	

Học kỳ	Mã tham chiếu	Thứ tự tuần học	Thứ tự tiết học	Mã tiết dạy	Tên bài dạy / Nội dung chủ đề hoạt động / Ghi chú khác (nếu có)	Bộ môn
HK1: từ tuần 01 đến hết 20 ; HK2: từ tuần 21 đến kết thúc năm học.	<Thứ tự tiết><mã tiết dạy>; (không khoảng trắng)	Nhập dạng ký tự số: 1, 2, 3, ...; Lưu ý: Đánh thứ tự từ 1 liên tục theo biên chế năm học.	Nhập dạng ký tự số: 1, 2, 3, ...; Lưu ý: Đánh thứ tự từ 1 tương ứng với mỗi mã tiết dạy theo PPCT của môn học;	CK: chính khóa; BT/TH: bài tập / thực hành; TC: tự chọn; B2: buổi hai; OT: ôn tập; KT: Kiểm tra; CN: sinh hoạt C/nhiệm; TG: thao giảng; DG: dự giờ; NK: ngoại khóa; DB: dạy bù;	KHUNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH GIẢNG DẠY KHỐI LỚP 11 (CƠ BẢN)	HÓA HỌC
HK1	6CK	3	6	CK	Chuyên đề Dung dịch chất điện li	
HK1	3B2	4	3	B2	Phương trình phân tử, ion thu gọn. Bài tập bảo toàn điện tích	
HK1	4B2	4	4	B2	Phương trình phân tử, ion thu gọn. Bài tập bảo toàn điện tích	
HK1	7CK	4	7	CK	Chuyên đề Dung dịch chất điện li	
HK1	8CK	4	8	CK	Luyện tập Dung dịch chất điện li	
HK1	5B2	5	5	B2	PH của dung dịch	
HK1	6B2	5	6	B2	PH của dung dịch	
HK1	9CK	5	9	CK	BTH 1: Tính axit – bazơ. Phản ứng trao đổi ion trong dung dịch chất điện li	
HK1	10CK	5	10	CK	Nitơ – amoniac – muối amoni	
HK1	7B2	6	7	B2	Chuỗi phản ứng của N2. Bài tập hiệu suất điều chế NH3	
HK1	8B2	6	8	B2	Chuỗi phản ứng của N2. Bài tập hiệu suất điều chế NH3	
HK1	11CK	6	11	CK	Nitơ – amoniac – muối amoni	
HK1	12CK	6	12	CK	Axit nitric và muối nitrat	
HK1	9B2	7	9	B2	Bài tập chất tác dụng với axit nitric	
HK1	10B2	7	10	B2	Bài tập chất tác dụng với axit nitric	

Học kỳ	Mã tham chiếu	Thứ tự tuần học	Thứ tự tiết học	Mã tiết dạy	Tên bài dạy / Nội dung chủ đề hoạt động / Ghi chú khác (nếu có)	Bộ môn
HK1: từ tuần 01 đến hết 20 ; HK2: từ tuần 21 đến kết thúc năm học.	<Thứ tự tiết><mã tiết dạy>; (không khoảng trắng)	Nhập dạng ký tự số: 1, 2, 3, ...; Lưu ý: Đánh thứ tự từ 1 liên tục theo biên chế năm học.	Nhập dạng ký tự số: 1, 2, 3, ...; Lưu ý: Đánh thứ tự từ 1 tương ứng với mỗi mã tiết dạy theo PPCT của môn học;	CK: chính khóa; BT/TH: bài tập / thực hành; TC: tự chọn; B2: buổi hai; OT: ôn tập; KT: Kiểm tra; CN: sinh hoạt C/nhiệm; TG: thao giảng; DG: dự giờ; NK: ngoại khóa; DB: dạy bù;	KHUNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH GIẢNG DẠY KHỐI LỚP 11 (CƠ BẢN)	HÓA HỌC
HK1	13CK	7	13	CK	AXIT NITRIC VÀ MUỐI NITRAT	
HK1	14CK	7	14	CK	LUYỆN TẬP: AMONIAC VÀ AXIT NITRIC	
HK1	11B2	8	11	B2	PHƯƠNG TRÌNH CHỨNG MINH VÀ GIẢI THÍCH HIỆN TƯỢNG BÀI TẬP HỖN HỢP CHẤT TÁC DỤNG AXIT NITRIC	
HK1	12B2	8	12	B2	PHƯƠNG TRÌNH CHỨNG MINH VÀ GIẢI THÍCH HIỆN TƯỢNG BÀI TẬP HỖN HỢP CHẤT TÁC DỤNG AXIT NITRIC	
HK1	15CK	8	15	CK	PHOTPHO	
HK1	16CK	8	16	CK	AXIT PHOTPHORIC VÀ MUỐI PHOTPHAT	
HK1	17CK	9	17	CK	KIỂM TRA 1 TIẾT	
HK1	18CK	9	18	CK	PHÂN BÓN HÓA HỌC	
HK1	13B2	10	13	B2	LUYỆN TẬP N2, NH3, HNO3	
HK1	14B2	10	14	B2	LUYỆN TẬP N2, NH3, HNO3	
HK1	19CK	10	19	CK	LUYỆN TẬP: TÍNH CHẤT CỦA NITƠ, PHOTPHO VÀ HỢP CHẤT CỦA CHÚNG	
HK1	20CK	10	20	CK	LUYỆN TẬP: TÍNH CHẤT CỦA NITƠ, PHOTPHO VÀ HỢP CHẤT CỦA CHÚNG	
HK1	15B2	11	15	B2	BÀI TẬP AXIT PHOTPHORIC TÁC DỤNG DUNG DỊCH KIỀM	
HK1	16B2	11	16	B2	BÀI TẬP AXIT PHOTPHORIC TÁC DỤNG DUNG DỊCH KIỀM	
HK1	21CK	11	21	CK	BTH 2: TÍNH CHẤT CỦA MỘT SỐ HỢP CHẤT NITƠ, PHOTPHO	
Học kỳ	Mã tham chiếu	Thứ tự tuần học	Thứ tự tiết học	Mã tiết dạy	Tên bài dạy / Nội dung chủ đề hoạt động / Ghi chú khác (nếu có)	Bộ môn
HK1: từ tuần 01 đến hết 20 ; HK2: từ tuần 21 đến kết thúc năm học.	<Thứ tự tiết><mã tiết dạy>; (không khoảng trắng)	Nhập dạng ký tự số: 1, 2, 3, ...; Lưu ý: Đánh thứ tự từ 1 liên tục theo biên chế năm học.	Nhập dạng ký tự số: 1, 2, 3, ...; Lưu ý: Đánh thứ tự từ 1 tương ứng với mỗi mã tiết dạy theo PPCT của môn học;	CK: chính khóa; BT/TH: bài tập / thực hành; TC: tự chọn; B2: buổi hai; OT: ôn tập; KT: Kiểm tra; CN: sinh hoạt C/nhiệm; TG: thao giảng; DG: dự giờ; NK: ngoại khóa; DB: dạy bù;	KHUNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH GIẢNG DẠY KHỐI LỚP 11 (CƠ BẢN)	HÓA HỌC
HK1	22CK	11	22	CK	CACBON	
HK1	17B2	12	17	B2	LUYỆN TẬP P, H3PO4	
HK1	18B2	12	18	B2	LUYỆN TẬP P, H3PO4	
HK1	23CK	12	23	CK	HỢP CHẤT CỦA CACBON	
HK1	24CK	12	24	CK	SILIC VÀ HỢP CHẤT CỦA SILIC	
HK1	19B2	13	19	B2	CO2 TÁC DỤNG VỚI DUNG DỊCH KIỀM	
HK1	20B2	13	20	B2	CO2 TÁC DỤNG VỚI DUNG DỊCH KIỀM	
HK1	25CK	13	25	CK	LUYỆN TẬP: TÍNH CHẤT CỦA CACBON, SILIC VÀ HỢP CHẤT CỦA CHÚNG	
HK1	26CK	13	26	CK	KIỂM TRA 1 TIẾT	
HK1	21B2	14	21	B2	VIẾT PHƯƠNG TRÌNH CHỨNG MINH VÀ GIẢI THÍCH HIỆN TƯỢNG BÀI TẬP MUỐI CACBONAT	
HK1	22B2	14	22	B2	VIẾT PHƯƠNG TRÌNH CHỨNG MINH VÀ GIẢI THÍCH HIỆN TƯỢNG BÀI TẬP MUỐI CACBONAT	
HK1	27CK	14	27	CK	MỞ ĐẦU VỀ HÓA HỌC HỮU CƠ	
HK1	28CK	14	28	CK	CÔNG THỨC PHÂN TỬ HỢP CHẤT HỮU CƠ	
HK1	23B2	15	23	B2	XÁC ĐỊNH CTPPT HỢP CHẤT HỮU CƠ DỰA VÀO CT ĐƠN GIẢN	
HK1	24B2	15	24	B2	XÁC ĐỊNH CTPPT HỢP CHẤT HỮU CƠ DỰA VÀO CT ĐƠN GIẢN	

HỌC KỲ	MÃ THAM CHIẾU	THỨ TỰ TUẦN HỌC	THỨ TỰ TIẾT HỌC	MÃ TIẾT DẠY	TÊN BÀI DẠY / NỘI DUNG CHỦ ĐỀ HOẠT ĐỘNG / GHI CHÚ KHÁC (nếu có)	BỘ MÔN
HK1: từ tuần 01 đến hết 20 ; HK2: từ tuần 21 đến kết thúc năm học.	<thứ tự tiết><mã tiết dạy>; (không khoảng trắng)	Nhập dạng ký tự số: 1, 2, 3, ...; Lưu ý: Đánh thứ tự từ 1 liên tục theo biên chế năm học.	Nhập dạng ký tự số: 1, 2, 3, ...; Lưu ý: Đánh thứ tự từ 1 tương ứng với mỗi mã tiết dạy theo PPCT của môn học;	CK: chính khóa; BT/TH: bài tập / thực hành; TC: tư chọn; B2: buổi hai; OT: ôn tập; KT: Kiểm tra; CN: sinh hoạt c/nhiệm; TG: thao giảng; DG: dự giờ; NK: ngoại khóa; DB: dạy bù;	KHUNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH GIẢNG DẠY KHỐI LỚP 11 (CƠ BẢN)	HÓA HỌC
HK1	29CK	15	29	CK	CÔNG THỨC PHÂN TỬ HỢP CHẤT HỮU CƠ	
HK1	30CK	15	30	CK	CẤU TRÚC PHÂN TỬ HỢP CHẤT HỮU CƠ	
HK1	25B2	16	25	B2	XÁC ĐỊNH CTPT HỢP CHẤT HỮU CƠ DỰA VÀO PHẢN ỨNG CHÁY	
HK1	26B2	16	26	B2	XÁC ĐỊNH CTPT HỢP CHẤT HỮU CƠ DỰA VÀO PHẢN ỨNG CHÁY	
HK1	31CK	16	31	CK	PHẢN ỨNG HỮU CƠ	
HK1	32CK	16	32	CK	LUYỆN TẬP PHÂN TỬ HỢP CHẤT HỮU CƠ	
HK1	27B2	17	27	B2	ÔN TẬP HỌC KÌ I	
HK1	28B2	17	28	B2	ÔN TẬP HỌC KÌ I	
HK1	33CK	17	33	CK	ÔN TẬP HỌC KÌ I	
HK1	34CK	17	34	CK	ÔN TẬP HỌC KÌ I	
HK1		18			KIỂM TRA HỌC KÌ I	
HK1	29B2	19	29	B2	LUYỆN TẬP	
HK1	30B2	19	30	B2	LUYỆN TẬP	
HK1	37CK	19	37	CK	LUYỆN TẬP	
HK1	38CK	19	38	CK	LUYỆN TẬP	

HỌC KỲ	MÃ THAM CHIẾU	THỨ TỰ TUẦN HỌC	THỨ TỰ TIẾT HỌC	MÃ TIẾT DẠY	TÊN BÀI DẠY / NỘI DUNG CHỦ ĐỀ HOẠT ĐỘNG / GHI CHÚ KHÁC (nếu có)	BỘ MÔN
HK1: từ tuần 01 đến hết 20 ; HK2: từ tuần 21 đến kết thúc năm học.	<thứ tự tiết><mã tiết dạy>; (không khoảng trắng)	Nhập dạng ký tự số: 1, 2, 3, ...; Lưu ý: Đánh thứ tự từ 1 liên tục theo biến chế năm học.	Nhập dạng ký tự số: 1, 2, 3, ...; Lưu ý: Đánh thứ tự từ 1 tương ứng với mỗi mã tiết dạy theo PPCT của môn học;	CK: chính khóa; BT/TH: bài tập / thực hành; TC: tự chọn; B2: buổi hai; OT: ôn tập; KT: Kiểm tra; CN: sinh hoạt c/nhiệm; TG: thao giảng; DG: dự giờ; NK: ngoại khóa; DB: dạy bù;	KHUNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH GIẢNG DẠY KHỐI LỚP 11 (CƠ BẢN)	HÓA HỌC
HK1	31B2	20	31	B2	ÔN TẬP TỔNG HỢP	
HK1	32B2	20	32	B2	ÔN TẬP TỔNG HỢP	
HK1	39CK	20	39	CK	ÔN TẬP TỔNG HỢP	
HK1	40CK	20	40	CK	ÔN TẬP TỔNG HỢP	
HK2	1TC	21	1	TC	CÔNG THỨC CẤU TẠO VÀ TÊN GỌI ANKAN	
HK2	33B2	21	33	B2	CTCT – TÊN GỌI – TÍNH CHẤT ANKAN	
HK2	41CK	21	41	CK	ANKAN	
HK2	42CK	21	42	CK	ANKAN	
HK2	2TC	22	2	TC	TÍNH CHẤT ANKAN	
HK2	34B2	22	34	B2	BÀI TẬP ANKAN	
HK2	43CK	22	43	CK	LUYỆN TẬP ANKAN	
HK2	44CK	22	44	CK	BTH 3: PHÂN TÍCH ĐỊNH TÍNH NGUYÊN TỐ. ĐIỀU CHẾ VÀ TÍNH CHẤT CỦA METAN	
HK2	3TC	25	3	TC	TÍNH CHẤT ANKEN	
HK2	35B2	25	35	B2	CTCT – TÊN GỌI – TÍNH CHẤT ANKEN	
HK2	45CK	25	45	CK	ANKEN	

Học kỳ	Mã tham chiếu	Thứ tự tuần học	Thứ tự tiết học	Mã tiết dạy	Tên bài dạy / Nội dung chủ đề hoạt động / Ghi chú khác (nếu có)	Bộ môn
HK1: từ tuần 01 đến hết 20 ; HK2: từ tuần 21 đến kết thúc năm học.	<Thứ tự tiết><mã tiết dạy>; (không khoảng trắng)	Nhập dạng ký tự số: 1, 2, 3, ...; Lưu ý: Đánh thứ tự từ 1 liên tục theo biên chế năm học.	Nhập dạng ký tự số: 1, 2, 3, ...; Lưu ý: Đánh thứ tự từ 1 tương ứng với mỗi mã tiết dạy theo PPCT của môn học;	CK: chính khóa; BT/TH: bài tập / thực hành; TC: tự chọn; B2: buổi hai; OT: ôn tập; KT: Kiểm tra; CN: sinh hoạt C/nhiệm; TG: thao giảng; DG: dự giờ; NK: ngoại khóa; DB: dạy bù;	KHUNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH GIẢNG DẠY KHỐI LỚP 11 (CƠ BẢN)	HÓA HỌC
HK2	46CK	25	46	CK	ANKEN	
HK2	4TC	26	4	TC	CHUỖI PHẢN ỨNG ANKAN, ANKEN, ANKADIEN	
HK2	36B2	26	36	B2	TÍNH CHẤT CỦA ANKADIEN. BÀI TẬP ANKEN	
HK2	47CK	26	47	CK	ANKADIEN	
HK2	48CK	26	48	CK	LUYỆN TẬP ANKEN VÀ ANKADIEN	
HK2	5TC	27	5	TC	TÍNH CHẤT CÁC HIDROCACBON	
HK2	37B2	27	37	B2	TÍNH CHẤT VÀ BÀI TẬP ANKIN	
HK2	49CK	27	49	CK	ANKIN	
HK2	50CK	27	50	CK	LUYỆN TẬP ANKIN	
HK2	6TC	28	6	TC	BÀI TẬP HIDOCACBON	
HK2	38B2	28	38	B2	BÀI TẬP HIDROCACBON	
HK2	51CK	28	51	CK	BTH 4: ĐIỀU CHẾ VÀ TÍNH CHẤT CỦA ETILEN, AXETILEN	
HK2	52CK	28	52	CK	KIỂM TRA 1 TIẾT	
HK2	7TC	29	7	TC	TÍNH CHẤT CỦA HIDROCACBON THƠM	
HK2	39B2	29	39	B2	BENZEN VÀ HỢP CHẤT HIDROCACBON THƠM	
Học kỳ	Mã tham chiếu	Thứ tự tuần học	Thứ tự tiết học	Mã tiết dạy	Tên bài dạy / Nội dung chủ đề hoạt động / Ghi chú khác (nếu có)	Bộ môn
HK1: từ tuần 01 đến hết 20 ; HK2: từ tuần 21 đến kết thúc năm học.	<Thứ tự tiết><mã tiết dạy>; (không khoảng trắng)	Nhập dạng ký tự số: 1, 2, 3, ...; Lưu ý: Đánh thứ tự từ 1 liên tục theo biên chế năm học.	Nhập dạng ký tự số: 1, 2, 3, ...; Lưu ý: Đánh thứ tự từ 1 tương ứng với mỗi mã tiết dạy theo PPCT của môn học;	CK: chính khóa; BT/TH: bài tập / thực hành; TC: tự chọn; B2: buổi hai; OT: ôn tập; KT: Kiểm tra; CN: sinh hoạt C/nhiệm; TG: thao giảng; DG: dự giờ; NK: ngoại khóa; DB: dạy bù;	KHUNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH GIẢNG DẠY KHỐI LỚP 11 (CƠ BẢN)	HÓA HỌC
HK2	53CK	29	53	CK	BENZEN VÀ ĐỒNG ĐẲNG. MỘT SỐ HIDROCACBON THƠM KHÁC	
HK2	54CK	29	54	CK	BENZEN VÀ ĐỒNG ĐẲNG. MỘT SỐ HIDROCACBON THƠM KHÁC	
HK2	8TC	30	8	TC	LUYỆN TẬP HIDROCACBON	
HK2	40B2	30	40	B2	CHUỖI PHẢN ỨNG VÀ BÀI TẬP HIDROCACBON	
HK2	55CK	30	55	CK	LUYỆN TẬP: HIDROCACBON THƠM	
HK2	56CK	30	56	CK	LUYỆN TẬP: HIDROCACBON THƠM	
HK2	9TC	31	9	TC	CTCT, TÊN GỌI VÀ TÍNH CHẤT CỦA ANCOL	
HK2	41B2	31	41	B2	CTCT – TÊN GỌI – TÍNH CHẤT ANCOL	
HK2	57CK	31	57	CK	ANCOL	
HK2	58CK	31	58	CK	ANCOL	
HK2	10TC	32	10	TC	BÀI TẬP ANCOL - PHENOL	
HK2	42B2	32	42	B2	BÀI TẬP ANCOL – PHENOL	
HK2	59CK	32	59	CK	PHENOL	
HK2	60CK	32	60	CK	LUYỆN TẬP: ANCOL, PHENOL	
HK2	11TC	33	11	TC	LUYỆN TẬP ANCOL - PHENOL	

Học kỳ	Mã tham chiếu	Thứ tự tuần học	Thứ tự tiết học	Mã tiết dạy	Tên bài dạy / Nội dung chủ đề hoạt động / Ghi chú khác (nếu có)	Bộ môn
HK1: từ tuần 01 đến hết 20 ; HK2: từ tuần 21 đến kết thúc năm học.	<Thứ tự tiết><mã tiết dạy>; (không khoảng trắng)	Nhập dạng ký tự số: 1, 2, 3, ...; Lưu ý: Đánh thứ tự từ 1 liên tục theo biên chế năm học.	Nhập dạng ký tự số: 1, 2, 3, ...; Lưu ý: Đánh thứ tự từ 1 tương ứng với mỗi mã tiết dạy theo PPCT của môn học;	CK: chính khóa; BT/TH: bài tập / thực hành; TC: tự chọn; B2: buổi hai; OT: ôn tập; KT: Kiểm tra; CN: sinh hoạt c/nhiệm; TG: thao giảng; DG: dự giờ; NK: ngoại khóa; DB: dạy bù;	KHUNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH GIẢNG DẠY KHỐI LỚP 11 (CƠ BẢN)	HÓA HỌC
HK2	43B2	33	43	B2	LUYỆN TẬP ANCOL – PHENOL	
HK2	61CK	33	61	CK	LUYỆN TẬP: ANCOL, PHENOL	
HK2	62CK	33	62	CK	BTH 5: TÍNH CHẤT CỦA ETANOL, GLIXEROL, PHENOL	
HK2	12TC	34	12	TC	CTCT, TÊN GỌI VÀ TÍNH CHẤT CỦA ANDEHIT	
HK2	44B2	34	44	B2	CTCT – TÊN GỌI – TÍNH CHẤT ANDEHIT	
HK2	63CK	34	63	CK	KIỂM TRA 1 TIẾT	
HK2	64CK	34	64	CK	ANDEHIT VÀ XETON	
HK2	13TC	35	13	TC	BÀI TẬP ANDEHIT – AXIT CACBOXYLIC	
HK2	45B2	35	45	B2	BÀI TẬP ANDEHIT	
HK2	65CK	35	65	CK	ANDEHIT VÀ XETON	
HK2	66CK	35	66	CK	AXIT CACBOXYLIC	
HK2	14TC	36	14	TC	LUYỆN TẬP ANDEHIT - AXIT CACBOXYLIC	
HK2	46B2	36	46	B2	CTCT – TÊN GỌI – TÍNH CHẤT AXIT CACBOXYLIC	
HK2	67CK	36	67	CK	AXIT CACBOXYLIC	
HK2	68CK	36	68	CK	LUYỆN TẬP: ANDEHIT – XETON – AXIT CACBOXYLIC	
Học kỳ	Mã tham chiếu	Thứ tự tuần học	Thứ tự tiết học	Mã tiết dạy	Tên bài dạy / Nội dung chủ đề hoạt động / Ghi chú khác (nếu có)	Bộ môn
HK1: từ tuần 01 đến hết 20 ; HK2: từ tuần 21 đến kết thúc năm học.	<Thứ tự tiết><mã tiết dạy>; (không khoảng trắng)	Nhập dạng ký tự số: 1, 2, 3, ...; Lưu ý: Đánh thứ tự từ 1 liên tục theo biên chế năm học.	Nhập dạng ký tự số: 1, 2, 3, ...; Lưu ý: Đánh thứ tự từ 1 tương ứng với mỗi mã tiết dạy theo PPCT của môn học;	CK: chính khóa; BT/TH: bài tập / thực hành; TC: tự chọn; B2: buổi hai; OT: ôn tập; KT: Kiểm tra; CN: sinh hoạt c/nhiệm; TG: thao giảng; DG: dự giờ; NK: ngoại khóa; DB: dạy bù;	KHUNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH GIẢNG DẠY KHỐI LỚP 11 (CƠ BẢN)	HÓA HỌC
HK2	15TC	37	15	TC	ÔN TẬP HỌC KỲ II	
HK2	47B2	37	47	B2	ÔN TẬP HỌC KỈ II	
HK2	69CK	37	69	CK	ÔN TẬP HỌC KỲ II	
HK2	70CK	37	70	CK	ÔN TẬP HỌC KỲ II	
HK2		38			KIỂM TRA HỌC KỲ II	
HK2	16TC	39	16	TC	LUYỆN TẬP HÓA HỮU CƠ	
HK2	48B2	39	48	B2	ÔN TẬP CUỐI NĂM	
HK2	73CK	39	73	CK	ÔN TẬP CUỐI NĂM	
HK2	74CK	39	74	CK	ÔN TẬP CUỐI NĂM	

Học kỳ	Mã tham chiếu	Thứ tự tuần học	Thứ tự tiết học	Mã tiết dạy	Tên bài dạy / Nội dung chủ đề hoạt động / Ghi chú khác (nếu có)	Bộ môn
HK1: từ tuần 01 đến hết 20 ; HK2: từ tuần 21 đến kết thúc năm học.	<thứ tự tiết><mã tiết dạy>; (không khoảng trắng)	Nhập dạng ký tự số: 1, 2, 3, ...; Lưu ý: Đánh thứ tự từ 1 liên tục theo biên chế năm học.	Nhập dạng ký tự số: 1, 2, 3, ...; Lưu ý: Đánh thứ tự từ 1 tương ứng với mỗi mã tiết dạy theo PPCT của môn học;	CK: chính khóa; BT/TH: bài tập / thực hành; TC: tự chọn; B2: buổi hai; OT: ôn tập; KT: Kiểm tra; CN: sinh hoạt C/nhiệm; TG: thao giảng; DG: dự giờ; NK: ngoại khóa; DB: dạy bù;	KHUNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH GIẢNG DẠY KHỐI LỚP 12 (CƠ BẢN)	Hóa học
(theo ký hiệu q/ước) Ghi theo nội dung khung phân phối chương trình của Bộ GD&ĐT đã có sự cân đối, điều chỉnh thống nhất trong tổ/nhóm bộ môn						
	KT			KT	Kiểm tra định kỳ.	
	TG			TG	Thao giảng.	
	DG			DG	Dự giờ đồng nghiệp.	
	NK			NK	Tổ chức dạy học ngoại khóa.	
	CN			CN	Sinh hoạt chủ nhiệm đầu tuần.	
	DB.CK			DB.CK	Dạy bù chính khóa.	
	DB.B2			DB.B2	Dạy bù buổi hai.	
HK1	1CK	1	1	CK	Ôn tập lớp 11	
HK1	2CK	1	2	CK	ESTE	
HK1	3CK	2	3	CK	LIPIT	
HK1	4CK	2	4	CK	Khái niệm về xà phòng và chất giặt rửa tổng hợp	
HK1	1B2	3	1	B2	CTCT Đồng phân, tên gọi và tính chất ESTE	
HK1	5CK	3	5	CK	Luyện tập: ESTE và chất béo	
HK1	6CK	3	6	CK	GLUCOZO	

Học kỳ	Mã tham chiếu	Thứ tự tuần học	Thứ tự tiết học	Mã tiết dạy	Tên bài dạy / Nội dung chủ đề hoạt động / Ghi chú khác (nếu có)	Bộ môn
HK1: từ tuần 01 đến hết 20 ; HK2: từ tuần 21 đến kết thúc năm học.	<thứ tự tiết><mã tiết dạy>; (không khoảng trắng)	Nhập dạng ký tự số: 1, 2, 3, ...; Lưu ý: Đánh thứ tự từ 1 liên tục theo biên chế năm học.	Nhập dạng ký tự số: 1, 2, 3, ...; Lưu ý: Đánh thứ tự từ 1 tương ứng với mỗi mã tiết dạy theo PPCT của môn học;	CK: chính khóa; BT/TH: bài tập / thực hành; TC: tự chọn; B2: buổi hai; OT: ôn tập; KT: Kiểm tra; CN: sinh hoạt C/nhiệm; TG: thao giảng; DG: dự giờ; NK: ngoại khóa; DB: dạy bù;	KHUNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH GIẢNG DẠY KHỐI LỚP 12 (CƠ BẢN)	Hóa học
HK1	2B2	4	2	B2	Bài tập ESTE	
HK1	7CK	4	7	CK	Saccarozo, tinh bột và xenlulozo	
HK1	8CK	4	8	CK	Saccarozo, tinh bột và xenlulozo	
HK1	3B2	5	3	B2	Tính chất – Bài tập chất béo	
HK1	9CK	5	9	CK	Luyện tập: Cấu tạo và tính chất của cacbohidrat	
HK1	10CK	5	10	CK	Luyện tập: Cấu tạo và tính chất của cacbohidrat	
HK1	4B2	6	4	B2	Tính chất – Bài tập Glucozo	
HK1	11CK	6	11	CK	BTH 1: Điều chế, tính chất hóa học của ESTE và cacbohidrat	
HK1	12CK	6	12	CK	AMIN	
HK1	5B2	7	5	B2	Tính chất – Bài tập Saccarozo, tinh bột, xenlulozo	
HK1	13CK	7	13	CK	Amino axit	
HK1	14CK	7	14	CK	Amino axit	
HK1	6B2	8	6	B2	Viết CTCT và gọi tên amin – Bài tập amin	
HK1	15CK	8	15	CK	Kiểm tra 1 tiết	
HK1	16CK	8	16	CK	Peptit và protein	

Học kỳ	Mã tham chiếu	Thứ tự tuần học	Thứ tự tiết học	Mã tiết dạy	Tên bài dạy / Nội dung chủ đề hoạt động / Ghi chú khác (nếu có)	Bộ môn
HK1: từ tuần 01 đến hết 20 ; HK2: từ tuần 21 đến kết thúc năm học.	<Thứ tự tiết><mã tiết dạy>; (không khoảng trắng)	Nhập dạng ký tự số: 1, 2, 3, ...; Lưu ý: Đánh thứ tự từ 1 liên tục theo biên chế năm học.	Nhập dạng ký tự số: 1, 2, 3, ...; Lưu ý: Đánh thứ tự từ 1 tương ứng với mỗi mã tiết dạy theo PPCT của môn học;	CK: chính khóa; BT/TH: bài tập / thực hành; TC: tự chọn; B2: buổi hai; OT: ôn tập; KT: Kiểm tra; CN: sinh hoạt c/nhiệm; TG: thao giảng; DG: dự giờ; NK: ngoại khóa; DB: dạy bù;	KHUNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH GIẢNG DẠY KHỐI LỚP 12 (CƠ BẢN)	HÓA HỌC
HK1	17CK	9	17	CK	PEPTIT VÀ PROTEIN	
HK1	18CK	9	18	CK	LUYỆN TẬP: CẤU TẠO VÀ TÍNH CHẤT CỦA AMIN, AMINO AXIT VÀ PROTEIN	
HK1	7B2	10	7	B2	TÍNH CHẤT – BÀI TẬP AMIN, AMINO AXIT	
HK1	19CK	10	19	CK	LUYỆN TẬP: CẤU TẠO VÀ TÍNH CHẤT CỦA AMIN, AMINO AXIT VÀ PROTEIN	
HK1	20CK	10	20	CK	ĐẠI CƯƠNG VỀ POLIME	
HK1	8B2	11	8	B2	TÍNH CHẤT – BÀI TẬP PEPTIT, PROTEIN	
HK1	21CK	11	21	CK	ĐẠI CƯƠNG VỀ POLIME	
HK1	22CK	11	22	CK	VẬT LIỆU POLIME	
HK1	9B2	12	9	B2	LÝ THUYẾT VÀ BÀI TẬP POLIME	
HK1	23CK	12	23	CK	LUYỆN TẬP POLIME VÀ VẬT LIỆU POLIME	
HK1	24CK	12	24	CK	BTH 2: MỘT SỐ TÍNH CHẤT CỦA PROTEIN VÀ VẬT LIỆU POLIME	
HK1	10B2	13	10	B2	LUYỆN TẬP HÓA HỮU CƠ	
HK1	25CK	13	25	CK	LUYỆN TẬP: TỔNG HỢP HÓA HỮU CƠ	
HK1	26CK	13	26	CK	KIỂM TRA 1 TIẾT	
HK1	11B2	14	11	B2	TÍNH CHẤT CỦA KIM LOẠI	
Học kỳ	Mã tham chiếu	Thứ tự tuần học	Thứ tự tiết học	Mã tiết dạy	Tên bài dạy / Nội dung chủ đề hoạt động / Ghi chú khác (nếu có)	Bộ môn
HK1: từ tuần 01 đến hết 20 ; HK2: từ tuần 21 đến kết thúc năm học.	<Thứ tự tiết><mã tiết dạy>; (không khoảng trắng)	Nhập dạng ký tự số: 1, 2, 3, ...; Lưu ý: Đánh thứ tự từ 1 liên tục theo biên chế năm học.	Nhập dạng ký tự số: 1, 2, 3, ...; Lưu ý: Đánh thứ tự từ 1 tương ứng với mỗi mã tiết dạy theo PPCT của môn học;	CK: chính khóa; BT/TH: bài tập / thực hành; TC: tự chọn; B2: buổi hai; OT: ôn tập; KT: Kiểm tra; CN: sinh hoạt c/nhiệm; TG: thao giảng; DG: dự giờ; NK: ngoại khóa; DB: dạy bù;	KHUNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH GIẢNG DẠY KHỐI LỚP 12 (CƠ BẢN)	HÓA HỌC
HK1	27CK	14	27	CK	VỊ TRÍ CỦA KIM LOẠI CỦA KIM LOẠI TRONG BẢNG TUẦN HOÀN. CẤU TẠO KIM LOẠI	
HK1	28CK	14	28	CK	TÍNH CHẤT CỦA KIM LOẠI. DẪY ĐIỆN HÓA CỦA KIM LOẠI	
HK1	12B2	15	12	B2	BÀI TẬP KIM LOẠI	
HK1	29CK	15	29	CK	HỢP KIM	
HK1	30CK	15	30	CK	SỰ ẪN MÒN KIM LOẠI	
HK1	13B2	16	13	B2	LUYỆN TẬP KIM LOẠI	
HK1	31CK	16	31	CK	LUYỆN TẬP: TÍNH CHẤT CỦA KIM LOẠI	
HK1	32CK	16	32	CK	LUYỆN TẬP: SỰ ẪN MÒN KIM LOẠI	
HK1	14B2	17	14	B2	ÔN TẬP HỌC KÌ I	
HK1	33CK	17	33	CK	ÔN TẬP HỌC KÌ I	
HK1	34CK	17	34	CK	ÔN TẬP HỌC KÌ I	
HK1		18			KIỂM TRA HỌC KÌ I	
HK1	15B2	19	15	B2	TỔNG HỢP KIM LOẠI	
HK1	37CK	19	37	CK	BTH 3: TÍNH CHẤT, ĐIỀU CHẾ KIM LOẠI, SỰ ẪN MÒN KIM LOẠI	
HK1	38CK	19	38	CK	LUYỆN TẬP KIM LOẠI	

HỌC KỲ	MÃ THAM CHIẾU	THỨ TỰ TUẦN HỌC	THỨ TỰ TIẾT HỌC	MÃ TIẾT DẠY	TÊN BÀI DẠY / NỘI DUNG CHỦ ĐỀ HOẠT ĐỘNG / GHI CHÚ KHÁC (nếu có)	BỘ MÔN
HK1: từ tuần 01 đến hết 20 ; HK2: từ tuần 21 đến kết thúc năm học.	<thứ tự tiết><mã tiết dạy>; (không khoảng trắng)	Nhập dạng ký tự số: 1, 2, 3, ...; Lưu ý: Đánh thứ tự từ 1 liên tục theo biên chế năm học.	Nhập dạng ký tự số: 1, 2, 3, ...; Lưu ý: Đánh thứ tự từ 1 tương ứng với mỗi mã tiết dạy theo PPCT của môn học;	CK: chính khóa; BT/TH: bài tập / thực hành; TC: tự chọn; B2: buổi hai; OT: ôn tập; KT: Kiểm tra; CN: sinh hoạt c/nhiệm; TG: thao giảng; DG: dự giờ; NK: ngoại khóa; DB: dạy bù.	KHUNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH GIẢNG DẠY KHỐI LỚP 12 (CƠ BẢN)	HÓA HỌC
HK1	16B2	20	16	B2	TỔNG HỢP KIM LOẠI	
HK1	39CK	20	39	CK	TỔNG HỢP KIM LOẠI	
HK1	40CK	20	40	CK	TỔNG HỢP KIM LOẠI	
HK2	1TC	21	1	TC	ĐIỀU CHẾ KIM LOẠI	
HK2	17B2	21	17	B2	BÀI TẬP ĐIỀU CHẾ KIM LOẠI	
HK2	18B2	21	18	B2	BÀI TẬP ĐIỀU CHẾ KIM LOẠI	
HK2	41CK	21	41	CK	ĐIỀU CHẾ KIM LOẠI	
HK2	42CK	21	42	CK	KIM LOẠI KIỀM VÀ HỢP CHẤT QUAN TRỌNG CỦA KIM LOẠI KIỀM	
HK2	2TC	22	2	TC	KIM LOẠI KIỀM VÀ HỢP CHẤT	
HK2	19B2	22	19	B2	TÍNH CHẤT VÀ BÀI TẬP KIM LOẠI KIỀM	
HK2	20B2	22	20	B2	TÍNH CHẤT VÀ BÀI TẬP KIM LOẠI KIỀM	
HK2	43CK	22	43	CK	KIM LOẠI KIỀM VÀ HỢP CHẤT QUAN TRỌNG CỦA KIM LOẠI KIỀM	
HK2	44CK	22	44	CK	KIM LOẠI KIỀM THỔ VÀ HỢP CHẤT QUAN TRỌNG CỦA KIM LOẠI KIỀM THỔ	
HK2	3TC	25	3	TC	KIM LOẠI KIỀM THỔ VÀ HỢP CHẤT	
HK2	21B2	25	21	B2	TÍNH CHẤT VÀ BÀI TẬP KIM LOẠI KIỀM THỔ	

HỌC KỲ	MÃ THAM CHIẾU	THỨ TỰ TUẦN HỌC	THỨ TỰ TIẾT HỌC	MÃ TIẾT DẠY	TÊN BÀI DẠY / NỘI DUNG CHỦ ĐỀ HOẠT ĐỘNG / GHI CHÚ KHÁC (nếu có)	BỘ MÔN
HK1: từ tuần 01 đến hết 20 ; HK2: từ tuần 21 đến kết thúc năm học.	<thứ tự tiết><mã tiết dạy>; (không khoảng trắng)	Nhập dạng ký tự số: 1, 2, 3, ...; Lưu ý: Đánh thứ tự từ 1 liên tục theo biên chế năm học.	Nhập dạng ký tự số: 1, 2, 3, ...; Lưu ý: Đánh thứ tự từ 1 tương ứng với mỗi mã tiết dạy theo PPCT của môn học;	CK: chính khóa; BT/TH: bài tập / thực hành; TC: tự chọn; B2: buổi hai; OT: ôn tập; KT: Kiểm tra; CN: sinh hoạt c/nhiệm; TG: thao giảng; DG: dự giờ; NK: ngoại khóa; ĐB: dạy bù;	KHUNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH GIẢNG DẠY KHỐI LỚP 12 (CƠ BẢN)	HÓA HỌC
HK2	22B2	25	22	B2	TÍNH CHẤT VÀ BÀI TẬP KIM LOẠI KIỀM THỔ	
HK2	45CK	25	45	CK	KIM LOẠI KIỀM THỔ VÀ HỢP CHẤT QUAN TRỌNG CỦA KIM LOẠI KIỀM THỔ	
HK2	46CK	25	46	CK	KIM LOẠI KIỀM THỔ VÀ HỢP CHẤT QUAN TRỌNG CỦA KIM LOẠI KIỀM THỔ	
HK2	4TC	26	4	TC	NHÔM	
HK2	23B2	26	23	B2	LUYỆN TẬP KIM LOẠI KIỀM, KIỀM THỔ	
HK2	24B2	26	24	B2	LUYỆN TẬP KIM LOẠI KIỀM, KIỀM THỔ	
HK2	47CK	26	47	CK	NHÔM VÀ HỢP CHẤT CỦA NHÔM	
HK2	48CK	26	48	CK	NHÔM VÀ HỢP CHẤT CỦA NHÔM	
HK2	5TC	27	5	TC	LUYỆN TẬP KIM LOẠI NHÓM A	
HK2	25B2	27	25	B2	TÍNH CHẤT VÀ BÀI TẬP NHÔM	
HK2	26B2	27	26	B2	TÍNH CHẤT VÀ BÀI TẬP NHÔM	
HK2	49CK	27	49	CK	LUYỆN TẬP: TÍNH CHẤT CỦA KIM LOẠI KIỀM, KIỀM THỔ VÀ HỢP CHẤT CỦA CHÚNG	
HK2	50CK	27	50	CK	LUYỆN TẬP: TÍNH CHẤT CỦA NHÔM VÀ HỢP CHẤT CỦA NHÔM	
HK2	6TC	28	6	TC	LUYỆN TẬP KIM LOẠI NHÓM A	
HK2	27B2	28	27	B2	LUYỆN TẬP NHÔM	

Học kỳ	Mã tham chiếu	Thứ tự tuần học	Thứ tự tiết học	Mã tiết dạy	Tên bài dạy / Nội dung chủ đề hoạt động / Ghi chú khác (nếu có)	Bộ môn
HK1: từ tuần 01 đến hết 20 ; HK2: từ tuần 21 đến kết thúc năm học.	<Thứ tự tiết><mã tiết dạy>; (không khoảng trắng)	Nhập dạng ký tự số: 1, 2, 3, ...; Lưu ý : Đánh thứ tự từ 1 liên tục theo biên chế năm học.	Nhập dạng ký tự số: 1, 2, 3, ...; Lưu ý: Đánh thứ tự từ 1 tương ứng với mỗi mã tiết dạy theo PPCT của môn học;	CK: chính khóa; BT/TH: bài tập / thực hành; TC: tự chọn; B2: buổi hai; OT: ôn tập; KT: Kiểm tra; CN: sinh hoạt C/nhiệm; TG: thao giảng; DG: dự giờ; NK: ngoại khóa; DB: dạy bù;	KHUNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH GIẢNG DẠY KHỐI LỚP 12 (CƠ BẢN)	HÓA HỌC
HK2	28B2	28	28	B2	LUYỆN TẬP NHÔM	
HK2	51CK	28	51	CK	KIỂM TRA 1 TIẾT	
HK2	52CK	28	52	CK	BTH 4: NATRI, MAGIE, NHÔM VÀ HỢP CHẤT CỦA CHÚNG	
HK2	7TC	29	7	TC	SẮT VÀ HỢP CHẤT	
HK2	53CK	29	53	CK	SẮT	
HK2	54CK	29	54	CK	HỢP CHẤT CỦA SẮT	
HK2	8TC	30	8	TC	LUYỆN TẬP: SẮT VÀ HỢP CHẤT	
HK2	29B2	30	29	B2	TÍNH CHẤT VÀ BÀI TẬP SẮT	
HK2	30B2	30	30	B2	TÍNH CHẤT VÀ BÀI TẬP SẮT	
HK2	55CK	30	55	CK	LUYỆN TẬP: SẮT VÀ HỢP CHẤT CỦA SẮT	
HK2	56CK	30	56	CK	HỢP KIM CỦA SẮT	
HK2	9TC	31	9	TC	CROM VÀ HỢP CHẤT CỦA CROM	
HK2	31B2	31	31	B2	TÍNH CHẤT VÀ BÀI TẬP HỢP CHẤT SẮT	
HK2	32B2	31	32	B2	TÍNH CHẤT VÀ BÀI TẬP HỢP CHẤT SẮT	
HK2	57CK	31	57	CK	CROM VÀ HỢP CHẤT CỦA CROM	
Học kỳ	Mã tham chiếu	Thứ tự tuần học	Thứ tự tiết học	Mã tiết dạy	Tên bài dạy / Nội dung chủ đề hoạt động / Ghi chú khác (nếu có)	Bộ môn
HK1: từ tuần 01 đến hết 20 ; HK2: từ tuần 21 đến kết thúc năm học.	<Thứ tự tiết><mã tiết dạy>; (không khoảng trắng)	Nhập dạng ký tự số: 1, 2, 3, ...; Lưu ý : Đánh thứ tự từ 1 liên tục theo biên chế năm học.	Nhập dạng ký tự số: 1, 2, 3, ...; Lưu ý: Đánh thứ tự từ 1 tương ứng với mỗi mã tiết dạy theo PPCT của môn học;	CK: chính khóa; BT/TH: bài tập / thực hành; TC: tự chọn; B2: buổi hai; OT: ôn tập; KT: Kiểm tra; CN: sinh hoạt C/nhiệm; TG: thao giảng; DG: dự giờ; NK: ngoại khóa; DB: dạy bù;	KHUNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH GIẢNG DẠY KHỐI LỚP 12 (CƠ BẢN)	HÓA HỌC
HK2	58CK	31	58	CK	LUYỆN TẬP: CROM VÀ HỢP CHẤT CỦA CROM	
HK2	10TC	32	10	TC	LUYỆN TẬP: SẮT VÀ CROM	
HK2	33B2	32	33	B2	TÍNH CHẤT VÀ BÀI TẬP CROM, HỢP CHẤT CROM	
HK2	34B2	32	34	B2	TÍNH CHẤT VÀ BÀI TẬP CROM, HỢP CHẤT CROM	
HK2	59CK	32	59	CK	LUYỆN TẬP: TÍNH CHẤT HÓA HỌC CỦA SẮT VÀ HỢP CHẤT CỦA SẮT	
HK2	60CK	32	60	CK	LUYỆN TẬP: TÍNH CHẤT HÓA HỌC CỦA CROM VÀ HỢP CHẤT CỦA CROM	
HK2	11TC	33	11	TC	LUYỆN TẬP KIM LOẠI	
HK2	35B2	33	35	B2	LUYỆN TẬP SẮT, CROM	
HK2	36B2	33	36	B2	LUYỆN TẬP SẮT, CROM	
HK2	61CK	33	61	CK	KIỂM TRA 1 TIẾT	
HK2	62CK	33	62	CK	BTH 5: TÍNH CHẤT HÓA HỌC CỦA SẮT VÀ HỢP CHẤT CỦA SẮT, CROM	
HK2	12TC	34	12	TC	NHẬN BIẾT CÁC CHẤT	
HK2	37B2	34	37	B2	LUYỆN TẬP KIM LOẠI	
HK2	38B2	34	38	B2	LUYỆN TẬP KIM LOẠI	
HK2	63CK	34	63	CK	NHẬN BIẾT MỘT SỐ ION TRONG DUNG DỊCH	

Học kỳ	Mã tham chiếu	Thứ tự tuần học	Thứ tự tiết học	Mã tiết dạy	Tên bài dạy / Nội dung chủ đề hoạt động / Ghi chú khác (nếu có)	Bộ môn
HK1: từ tuần 01 đến hết 20 ; HK2: từ tuần 21 đến kết thúc năm học.	<Thứ tự tiết><mã tiết dạy>; (không khoảng trắng)	Nhập dạng ký tự số: 1, 2, 3, ...; Lưu ý: Đánh thứ tự từ 1 liên tục theo biên chế năm học.	Nhập dạng ký tự số: 1, 2, 3, ...; Lưu ý: Đánh thứ tự từ 1 tương ứng với mỗi mã tiết dạy theo PPCT của môn học;	CK: chính khóa; BT/TH: bài tập / thực hành; TC: tự chọn; B2: buổi hai; OT: ôn tập; KT: Kiểm tra; CN: sinh hoạt C/nhiệm; TG: thao giảng; DG: dự giờ; NK: ngoại khóa; DB: dạy bù;	KHUNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH GIẢNG DẠY KHỐI LỚP 12 (CƠ BẢN)	HÓA HỌC
HK2	64CK	34	64	CK	NHẬN BIẾT MỘT SỐ CHẤT KHÍ	
HK2	13TC	35	13	TC	ÔN TẬP HỌC KỲ II	
HK2	39B2	35	39	B2	ÔN TẬP HỌC KÌ II	
HK2	40B2	35	40	B2	ÔN TẬP HỌC KÌ II	
HK2	65CK	35	65	CK	ÔN TẬP HỌC KỲ II	
HK2	66CK	35	66	CK	ÔN TẬP HỌC KỲ II	
HK2		36			KIỂM TRA HỌC KỲ II	
HK2	14TC	37	14	TC	TỔNG HỢP HÓA VÔ CƠ	
HK2	41B2	37	41	B2	NHẬN BIẾT CÁC DUNG DỊCH VÀ CHẤT KHÍ	
HK2	42B2	37	42	B2	NHẬN BIẾT CÁC DUNG DỊCH VÀ CHẤT KHÍ	
HK2	69CK	37	69	CK	LUYỆN TẬP: NHẬN BIẾT MỘT SỐ CHẤT VÔ CƠ	
HK2	70CK	37	70	CK	HÓA HỌC VÀ VẤN ĐỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ	
HK2	15TC	38	15	TC	TỔNG HỢP HÓA VÔ CƠ	
HK2	43B2	38	43	B2	LUYỆN TẬP HÓA VÔ CƠ	
HK2	44B2	38	44	B2	LUYỆN TẬP HÓA VÔ CƠ	
Học kỳ	Mã tham chiếu	Thứ tự tuần học	Thứ tự tiết học	Mã tiết dạy	Tên bài dạy / Nội dung chủ đề hoạt động / Ghi chú khác (nếu có)	Bộ môn
HK1: từ tuần 01 đến hết 20 ; HK2: từ tuần 21 đến kết thúc năm học.	<Thứ tự tiết><mã tiết dạy>; (không khoảng trắng)	Nhập dạng ký tự số: 1, 2, 3, ...; Lưu ý: Đánh thứ tự từ 1 liên tục theo biên chế năm học.	Nhập dạng ký tự số: 1, 2, 3, ...; Lưu ý: Đánh thứ tự từ 1 tương ứng với mỗi mã tiết dạy theo PPCT của môn học;	CK: chính khóa; BT/TH: bài tập / thực hành; TC: tự chọn; B2: buổi hai; OT: ôn tập; KT: Kiểm tra; CN: sinh hoạt C/nhiệm; TG: thao giảng; DG: dự giờ; NK: ngoại khóa; DB: dạy bù;	KHUNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH GIẢNG DẠY KHỐI LỚP 12 (CƠ BẢN)	HÓA HỌC
HK2	71CK	38	71	CK	HÓA HỌC VÀ VẤN ĐỀ XÃ HỘI	
HK2	72CK	38	72	CK	HÓA HỌC VÀ VẤN ĐỀ MÔI TRƯỜNG	
HK2	16TC	39	16	TC	LUYỆN TẬP HÓA VÔ CƠ	
HK2	45B2	39	45	B2	LUYỆN TẬP HÓA VÔ CƠ	
HK2	46B2	39	46	B2	LUYỆN TẬP HÓA VÔ CƠ	
HK2	73CK	39	73	CK	LUYỆN TẬP HÓA VÔ CƠ	
HK2	74CK	39	74	CK	LUYỆN TẬP HÓA VÔ CƠ	